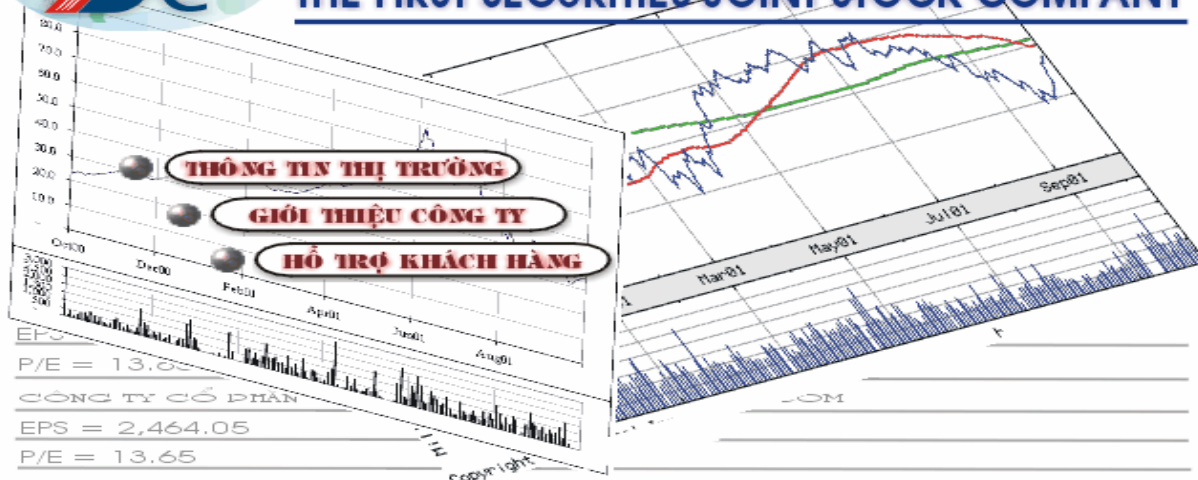




CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT
THE FIRST SECURITIES JOINT STOCK COMPANY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2013

- **Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất.**

Số 9, Hoàng Văn Thụ , Khu Đô Thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một , Tỉnh Bình Dương

Điện Thoại : (0650) 832614-832615

Fax : (0650) 832616

Email : ctydenhat@yahoo.com

- **Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất tại T P Hồ Chí Minh**

Số 521 Đường Hồng Bàng , Phường 14, Quận 05, TP Hồ Chí Minh .

Điện Thoại : (08) 8537923

Fax : (08) 8537932

Web : [http \www.fsc.com.vn](http://www.fsc.com.vn)

- **Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất Chi Nhánh Hà Nội**

Lầu 3, Số 81-83 Phố Lò Đúc , Quận Hai Bà Trưng . Hà Nội.

Điện thoại: (04)3 972 8302 ~ 3 972 8307 fax: (04)3 972 8301

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

Do yêu cầu đổi mới doanh nghiệp nhà nước , từ những ngày đầu thành lập thị trường chứng khoán Việt Nam ; Tỉnh Bình Dương là một trong số các địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía nam đã đặc biệt quan tâm đến việc hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán . Vì vậy dưới sự chỉ đạo của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương , Công Ty BECAMEX (tiền thân của Tổng Công Ty TNHH một thành viên BECAMEX IDC hiện nay) đã thành lập Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất (vốn điều lệ ban đầu 43 tỷ đồng) với vai trò cổ đông sáng lập theo giấy phép thành lập số 249/ GP-UB ngày 18/10/1999 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương ,giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/12/1999. Ngày 08/04/2010 , Công ty được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động kinh doanh số 04/GPHDKD. Lễ trao giấy phép cho hai công ty chứng khoán đầu tiên ở phía nam là Đệ Nhất FSC và SSI được tiến hành trọng thể ngày 12/04/2000 tại Trụ sở Ngân hàng Nhà nước TP HCM.



2. Quá trình phát triển:

2.1 Ngành nghề kinh doanh:

- Môi Giới Chứng Khoán
- Tư Vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành
- Tự Doanh

- Các dịch vụ tư vấn tài chính khác .

2.2 Tình hình hoạt động:

- Tháng 07 năm 2000 Công ty chính thức trở thành thành viên Trung Tâm Giao dịch chứng khoán TP HCM (nay là Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM) theo quyết định số 04/ QĐTV-TTGD4 ngày 19/07/2000.
- Ngày 07/02/2001 được UBCKNN chấp thuận mở chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh theo quyết định số 06/2001/QĐ-UBCKNN.
- Ngày 27/12/2006 được UBCKNN chấp thuận việc chuyển nhượng 28,10% vốn cho Công Ty Yuanta Securities Asia Financial Services LTD theo quyết định số 842/ QĐ-UBCK .
- Ngày 29/12/2006, Công ty trở thành thành viên của Trung Tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội) theo quyết định số 121/ QĐ-TTGDHN.
- Ngày 05/06/2007 được UBCKNN chấp thuận cho việc tăng vốn điều lệ từ 43 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng theo quyết định số 350/QĐ-UBCK ngày 05/06/2007.
- Ngày 13/10/2008 được UBCKNN chấp thuận cho việc tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng theo quyết định số 158/ UBCK - GP.
- Ngày 09/08/2010 được UBCKNN chấp thuận mở chi nhánh Hà Nội theo quyết định số 648/QĐ-UBCK.
- Ngày 30/03/2011 được UBCKNN chấp thuận cung cấp dịch vụ chứng khoán trực tuyến theo quyết định số 281/QĐ-UBCK.
- Ngày 27/01/2014, sau khi được sự chấp thuận của các Sở Giao dịch, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến mới tại địa chỉ <https://www.e-fsc.com.vn> với nhiều chức năng và tiện ích mới giúp nhà đầu tư dễ dàng quản lý tài khoản , đặt lệnh mua bán chứng khoán và chuyển tiền trong và ngoài hệ thống

3. Định hướng phát triển

3.1 .Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Giá trị cốt lõi mà công ty cung cấp cho khách hàng tập trung qua slogan **Trung Thực – Bảo Mật – Chuyên nghiệp**

3.2 .Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

3.2.1 Trung hạn :

- Thực hiện nhiệm vụ chính trị : cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Tỉnh Bình Dương nói chung và các doanh nghiệp trong hệ thống BECAMEX Group nói riêng .
- Kiện toàn hệ thống tại TPHCM, Hà Nội Bình Dương trong đó chú trọng chất lượng dịch vụ , gắn bó lợi ích công ty với lợi ích khách hàng , không tìm kiếm lợi nhuận bằng mọi giá.

3.2.2 Dài hạn :

- Mở rộng hệ thống tại các Tỉnh thành .
- Mở rộng hợp tác , liên doanh liên kết, tận dụng sự hỗ trợ của cổ đông nước ngoài là tổ chức kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp để nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đủ sức cạnh tranh với các Cty Chứng khoán nước ngoài.Tận dụng hỗ trợ của Công Ty mẹ BECAMEX IDC và các thành viên trong BECAMEX Group để nâng cao năng lực hoạt động và năng lực cạnh tranh.
- Cạnh tranh lành mạnh , tối đa hoá lợi nhuận cho cổ đông .

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2013, Ngân hàng nhà nước Việt nam đã điều hành lãi suất theo hướng chủ động nhằm dẫn dắt thị trường tiền tệ trong lúc vẫn bám sát các diễn biến kinh tế vĩ mô. Tính cả năm , NHNN đã giảm 2%/năm các mức lãi suất điều hành; giảm 3%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các lĩnh vực ưu tiên; giảm 1%/năm lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi bằng VND. Kể từ cuối tháng 6/2013 NHNN còn cho phép các tổ chức tín dụng được tự ấn định lãi suất thoả thuận tiền gửi VND có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên. Với các giải pháp như trên kết hợp với điều hành linh hoạt cung ứng tiền, nhìn chung mặt bằng lãi suất năm 2013 tiếp tục giảm từ 2-5%/năm (trở về mức lãi suất của giai đoạn 2005-2006) .Điều này đã khiến các dòng tiền nhàn rỗi của nhà đầu tư cân nhắc lựa chọn thị trường chứng khoán nhằm tìm kiếm mức sinh lợi cao.

Bên cạnh đó : năm 2013 là một năm mà vàng đã mất đi sự hấp dẫn trong mắt nhà đầu tư. Vào đầu năm 2013, giá vàng được giao dịch ở mức 46,1-46,6 triệu đồng/lượng (mua vào – bán ra). Tuy nhiên kết thúc năm 2013, giá vàng đã tụt xuống vùng thấp nhất của năm là 34,7-34,78 triệu đồng/lượng.Trên thị trường thế giới, giá vàng đã giảm từ mức 1.650 USD/oz xuống còn khoảng 1.200 USD/oz, giảm 450 USD/oz (-27,27%) nghĩa là các nhà đầu tư vàng trong nước đã lỗ hơn 25% nếu mua vào từ đầu năm còn nếu giao dịch trên thị trường thế giới, mức lỗ thậm chí gần 30%.Ngoài ra với mục đích bình ổn thị trường vàng và đưa vàng khỏi rổ tiền tệ, NHNN đã trở thành nhà độc quyền sản xuất và cung cấp vàng miếng. Bên cạnh đó NHNN còn theo dõi buộc các tổ chức tín dụng chấm dứt hoạt động huy động và cho vay vàng trước ngày 30/6 (Thông tư 12/2012/TT-

NHNN). Những chính sách này đã phát huy tác dụng giúp cho thị trường vàng hoạt động trật tự hơn và cũng khiến cho vàng giảm sức hút đối với nhà đầu tư .

Trong năm 2013, thị trường ngoại hối về cơ bản ổn định, thanh khoản ngoại tệ của hệ thống cải thiện. Có thời điểm tỷ giá có áp lực tăng nhưng chủ yếu do yếu tố tâm lý, sau khi NHNN thực hiện đồng bộ các biện pháp thì tỷ giá đã ổn định trở lại. Tình hình găm giữ ngoại tệ được đẩy lùi một bước, hoạt động của thị trường ngoại tệ tự do bị thu hẹp, tình trạng đô la hoá giảm, lòng tin vào đồng Việt Nam được nâng cao. Tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán tiếp tục giảm, còn khoảng 12% (cuối năm 2011 là 15,8%, cuối năm 2012 là 12,36%), dự trữ ngoại hối Nhà nước tăng gấp hơn hai lần so với cuối năm 2011.

Thị trường bất động sản trong năm 2013 vẫn chưa có lối thoát, sự kỳ vọng vào gói cho vay 30 nghìn tỷ giải cứu sẽ làm tan băng thị trường đã không diễn ra như sự mong đợi của các nhà đầu tư đã chôn vốn vào thị trường bất động sản.

Trong bối cảnh chung như thế , có thể nói năm 2013 là một năm mà các điều kiện đều hỗ trợ cho thị trường chứng khoán hồi phục đều chín muồi .Tuy nhiên , sau những năm sóng gió trong giai đoạn 2011-2012, hầu hết các công ty chứng khoán đều rút ra những bài học đắt giá và trở nên cẩn trọng hơn trong kinh doanh. Đa số đều chú trọng hạn chế rủi ro vốn dĩ phát sinh với những hậu quả nặng nề trong nghiệp vụ môi giới dưới các hình thức hỗ trợ vốn cho nhà đầu tư, hợp tác kinh doanh, margin . Tự doanh cũng nhắm vào mục tiêu an toàn (lợi nhuận thấp , ít rủi ro) với danh mục đầu tư nhằm vào các cổ phiếu có các chỉ tiêu tài chính tốt , tiêu chí cổ phiếu tăng trưởng được đặt lên hàng đầu với thời gian dài hạn từ 01-02 năm trở lên.

Trong tình hình chung như thế , HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu trong năm:

- Năm bắt thời cơ: tăng cường đầu tư lướt sóng kiếm lời ngắn hạn .Tối ưu hoá các khoản lợi nhuận có thể đạt.
- Cơ cấu lại các khoản đầu tư ,tập trung các cổ phiếu có chỉ tiêu tài chính tốt.
- Sử dụng hiệu quả nguồn tiền mặt hiện có để hỗ trợ hoạt động môi giới.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC (Đơn vị tính : VNĐ)	Năm 2012	Năm 2013
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	34.863.194.808	32.870.593.036
Cổ tức đã trả trong năm	0	30.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	15.736.993.241	13.672.207.883

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày

phát hành báo cáo tài chính cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc sổ sách kế toán phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào. Ban Tổng Giám đốc cũng đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký và chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

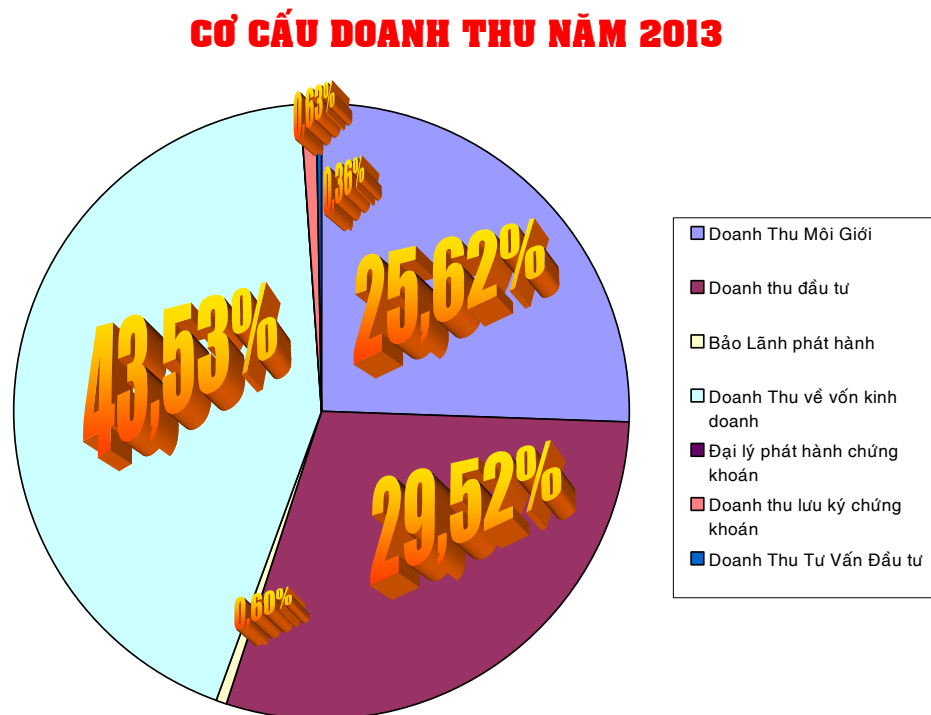
Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

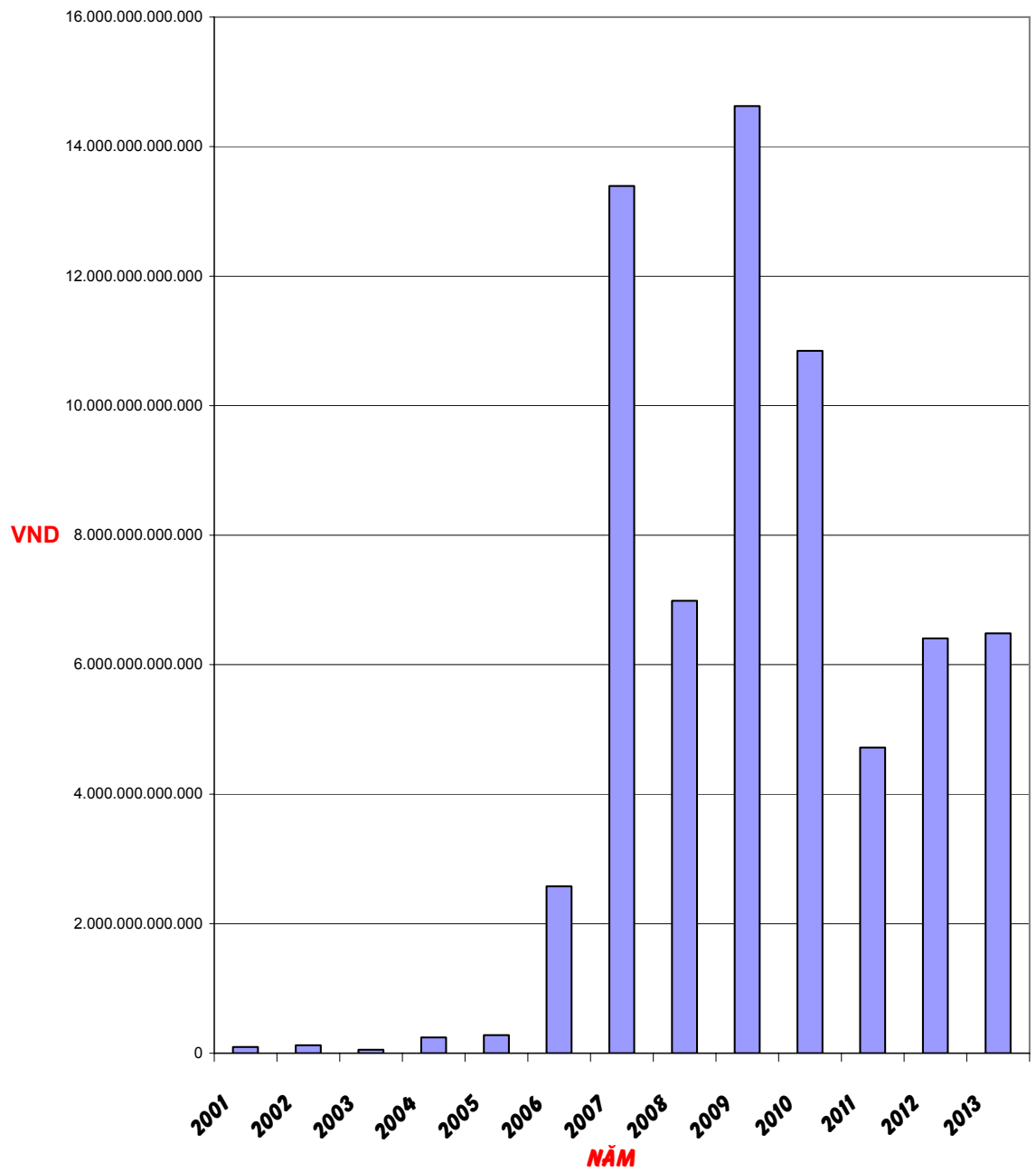
HĐQT phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc:

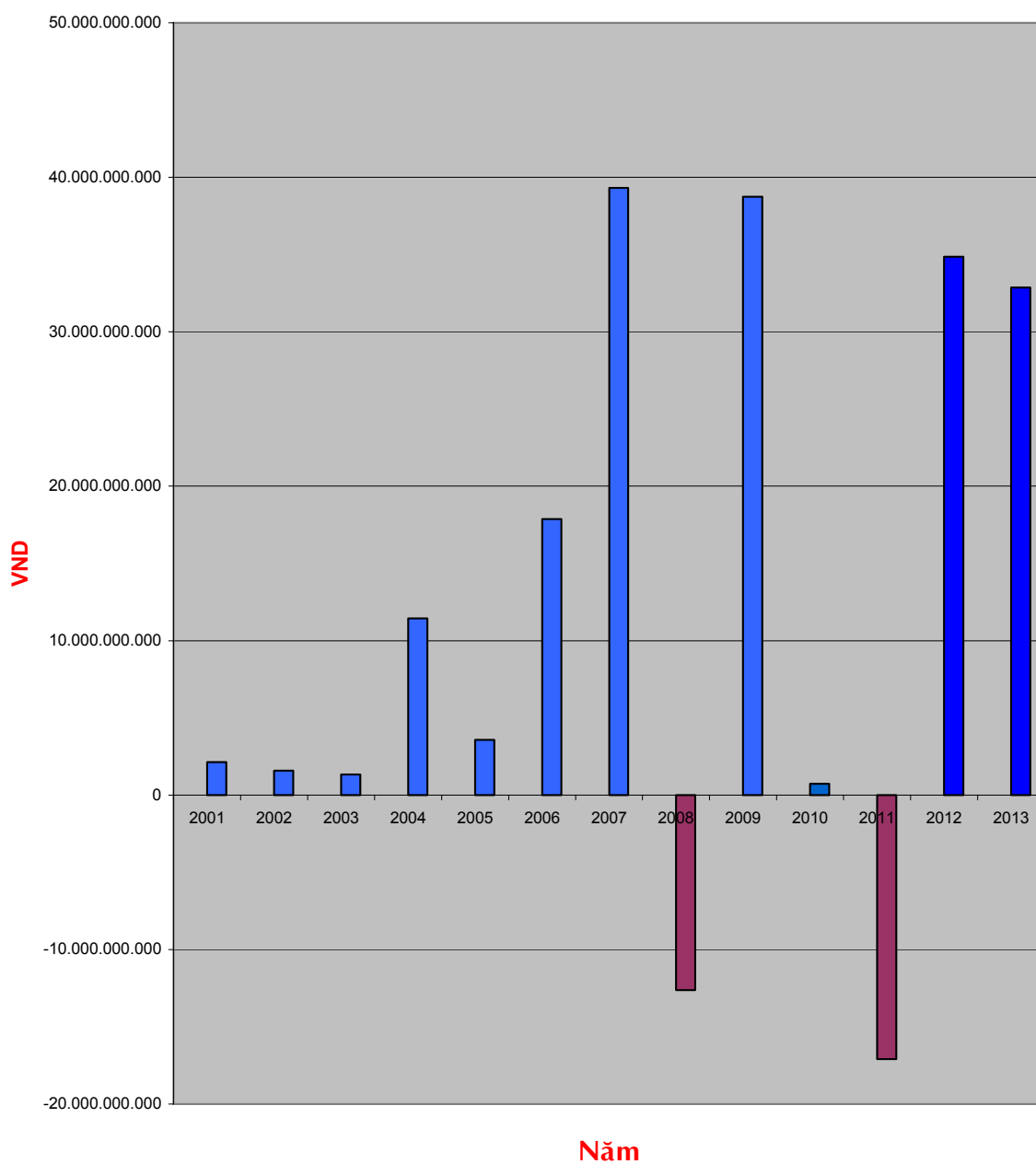
1. Báo cáo tình hình tài chính:



KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH



Lợi Nhuận Sau Thuế



- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đến 31/12/2013: **30.000.000** cổ phần .
- Book value tại thời điểm 31/12/2012: **11.087** đ/ cp
- Tỷ lệ vốn khả dụng đến 31/12/2012: **290,90%**
- Dự phòng giảm giá CK đến ngày 31/12/2012: **9.773.826.765** đồng.
- Chênh lệch giá thị trường cao hơn giá vốn chứng khoán vào ngày 31/12/2013 đã mua nhưng chưa bán là **3.647.823.206** đồng chưa được ghi

nhận vào báo cáo và cũng không trừ vào khoản trích dự phòng giảm giá chứng khoán nêu trên.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động năm 2013:

a) Về Môi giới :

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013, giá trị giao dịch của khách hàng được thực hiện qua Công Ty là **6.394.454.048.400** đồng (101,25% so với năm 2012). Tổng phí môi giới thu được toàn Công ty là **12.717.047.072** đồng (99,60% so với năm 2012).

Tính đến thời điểm 31/12/2013, số lượng tài khoản khách hàng của toàn Công Ty là **7.564** tài khoản (tăng 2,5% so với năm 2012), số tiền ký quỹ giao dịch đến ngày 31/12/2013 là **101.647.166.770** đồng (159,39%% so với năm 2012) , tổng số lượng chứng khoán lưu ký là **109.130.744** cổ phiếu (87,78% so với năm 2012).

b) **Về Tự doanh** : trong năm 2012, tổng giá trị giao dịch mua bán tự doanh là **91.688.462.000** đồng (99,80% so với năm 2012), thu lãi và các khoản thu nhập từ đầu tư cổ phiếu (cổ tức, cổ phiếu thưởng) là **14.521.180.071** đồng (80,10% so với năm 2012).

c)**Về các hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn khác** : chủ yếu một số hợp đồng tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quản lý sổ cổ đông , tư vấn phát hành trái phiếu cho các cty với doanh thu **351.630.000** đồng (bằng 51,19% so với năm 2012) .

d) **Doanh thu lưu ký** : từ tháng 12/2012, Công ty đã tiến hành thu phí lưu ký chứng khoán phải trả cho VSD từ các nhà đầu tư. Doanh thu lưu ký thu được trong năm là **311.057.391** đồng

e) **Doanh thu bảo lãnh phát hành** : trong năm 2013, thực hiện hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu với doanh thu **300.000.000** đồng

f)**Doanh thu khác** : Doanh thu khác năm 2013 đạt 89,43% so với 2012, cụ thể như sau :

VNĐ		
<i>Nội dung</i>	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2013</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.466.649.368	15.282.242.746
Phí thu từ hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	3.180.481.762	3.173.293.834
Phí thu từ hoạt động tài trợ chứng khoán	1.279.490.016	1.062.325.143

Phí quản lý tài khoản vay cầm cố	777.783.936	1.477.385.658
Doanh thu khác	458.951.776	615.446.295
Tổng cộng	24.163.356.858	21.610.693.676

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2013

Đơn vị tính : VNĐ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2013</i>	<i>Tỷ lệ(%)</i>
Chi phí nhân viên	4.243.387.227	5.045.293.394	118,89%
Chi phí bằng tiền	3.626.819.590	3.601.715.175	99,30%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.116.112.158	1.690.451.483	79,88%
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.913.698.854	1.941.888.851	101,47%
Chi phí hoạt động lưu ký	945.955.416	736.092.893	77,81%
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	62.006.710	583.008.390	940,23%
Chi phí hoạt động tư vấn	9.282.090	6.969.682	75,08%
Chi phí khác	2.681.155.005	2.376.082.428	88,62%
	15.598.417.050	15.981.502.296	102,45%
Hoàn nhập (dự phòng) giảm giá đầu tư chứng khoán	(3.644.903.790)	(8.312.591.500)	N/A
Tổng cộng	11.953.513.260	7.668.910.796	64,15%

CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP 2013

Đơn vị tính : VNĐ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2013</i>	<i>Tỷ lệ(%)</i>
Chi phí nhân viên quản lý	2.364.063.174	3.054.398.787	129,20%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	601.167.440	562.541.426	93,57%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	393.545.717	572.100.485	145,37%
Chi phí khác bằng tiền	2.000.638.594	1.791.002.859	89,52%
	5.359.414.925	5.980.043.557	111,58%
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.242.787.834	(2.657.665.477)	N/A
Tổng Cộng	8.602.202.759	3.322.378.080	38,62%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2013

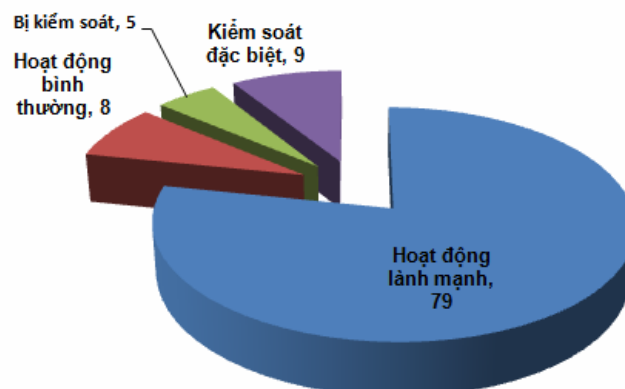
<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2013</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
1. Doanh thu	55.418.910.827	49.639.978.210	89,57%
<i>Trong đó:</i>			
Doanh thu hoạt động môi giới CK	12.768.033.489	12.717.047.072	99,60%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	18.126.890.480	14.521.180.071	80,10%
Doanh thu bảo lãnh phát hành CK		300.000.000	-
Doanh thu đại lý phát hành CK	-	0	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	351.630.000	180.000.000	51,19%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	9.000.000	311.057.391	3.456,19%
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	-	-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-	-
Doanh thu khác	24.163.356.858	21.610.693.676	89,43%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	55.418.910.827	49.639.978.210	89,57%
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	(11.953.513.260)	(7.668.910.796)	64,15%
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(8.602.202.759)	(3.322.378.080)	38,62%
7. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	34.863.194.808	38.648.689.334	110,85%
8. Thu nhập khác	-	805.242.260	N/A
9. Chi phí khác	-	(484.871.359)	N/A
10. Lợi nhuận khác	-	320.370.901	N/A
11. Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế	34.863.194.808	38.969.060.235	110,85%
13. Thuế TNDN hiện hành	-	6.098.467.199	-
14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	34.863.194.808	32.870.593.036	94,28%
15. Lãi (lỗ) cơ bản /CP	1.162	1.096	94,32%

Như đã nêu ở trên , năm 2013 là năm mà thị trường chứng khoán Việt nam đã có đủ các yếu tố hỗ trợ cho sự hồi phục .Theo số liệu thống kê chính thức **21,97%** và **18,83%** là mức tăng lần lượt của VN-Index và HNX-Index trong năm 2013. Khối lượng giao dịch bình quân 1 phiên của năm 2013 là 107.630.000 cổ phiếu, giá trị giao dịch bình quân tương ứng trên hai sàn đạt 1.380 tỷ đồng/phiên, tăng 6% so với năm 2012. Sự gia tăng của các chỉ số này đã đưa Việt Nam trở thành 1 trong 10 nước có mức độ phục hồi mạnh nhất thế giới,

Trong tình hình đó , tuân thủ chặt chẽ các chỉ đạo của HĐQT về tăng cường quản lý rủi ro trong kinh doanh :tổng giá trị giao dịch chứng khoán của Công ty trong năm 2013 chỉ xấp xỉ của năm 2012. Đây là hệ quả tất yếu khi mà việc hỗ trợ khách hàng bằng các đòn bẩy tài chính được kiểm soát chặt chẽ, tự doanh cũng luôn đặt tiêu chí an toàn lên hàng đầu. Các khoản thu từ cổ tức các cổ phiếu đang nắm giữ dài hạn cũng giảm sút do khó khăn của các tổ chức phát hành. Doanh thu khác cũng sụt giảm do phải điều chỉnh theo xu thế giảm chung của lãi suất thị trường .

Về chi phí : trong bối cảnh tỷ lệ lạm phát chung của nền kinh tế là 6,04%/năm , các chi phí kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng tương ứng lần lượt là 2,45% và 11,58% . Trong đó chi phí nhân viên là tăng đáng kể hơn 18,89% và 29,20% / từng chi phí trong khi các chi phí khác đều được kéo giảm . Đây là con số phản ánh việc điều chỉnh (tăng) thu nhập của nhân viên trong năm 2013 , mặt khác với việc hoàn nhập đáng kể các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán và nợ phải thu đã làm cho chi phí kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm mạnh chỉ còn 64,15% và 38,62% so với cùng kỳ năm 2012. Đây chính là nguyên nhân chính giúp lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng so với năm 2012 trong khi doanh thu chỉ đạt 89,57% cùng kỳ. Ngoài ra , năm 2013 là năm công ty đã sử dụng hết số lỗ lũy kế từ năm 2011 vào việc tính thuế thu nhập Doanh nghiệp nên năm 2013 Công ty phải nộp thuế TNDN số tiền là **6.098.467.199 đồng** , đây là nguyên nhân làm cho EPS 2013 chỉ bằng 94,32% so với năm 2012.

Trong năm 2013, dựa trên cơ sở báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng của các công ty chứng khoán: UBCKNN đã phân loại các công ty chứng khoán thành 4 nhóm gồm 79 CTCK hoạt động lành mạnh, 8 CTCK hoạt động bình thường, 5 CTCK bị kiểm soát và 9 CTCK bị kiểm soát đặc biệt trong đó Công ty thường xuyên được xếp vào nhóm hoạt động lành mạnh .



Cũng trong năm 2013, 4 CTCK thông qua việc giải thể là Sao Việt, Chợ Lớn, Âu Việt và Sen Vàng trong đó duy nhất SVS đã được UBCK chính thức cấp giấy chấp thuận giải thể theo Luật Doanh nghiệp. 2 công ty GBS,

SME bị UBCK yêu cầu tạm ngừng hoạt động, 3 công ty Delta, Hà Nội, Trường Sơn bị chấm dứt hoạt động kinh doanh. Số công ty chứng khoán lỗ trong năm 2013 là 63% (58/94 công ty chứng khoán có lỗ lũy kể với số lỗ là -5.267 tỷ đồng (giảm so với con số hơn 70% công ty lỗ năm 2012). Đây là những con số phản ánh thực trạng kinh doanh khó khăn của các công ty chứng khoán . Do đó ở một chừng mực nhất định , kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2013 của Công ty là một điểm nhấn tích cực, tạo sự tin tưởng mạnh mẽ của khách hàng và cán bộ CNV vào sự lãnh đạo của ban điều hành theo định hướng của Hội đồng Quản Trị.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được :

- Là một trong số các Công ty chứng khoán đầu tiên đi vào hoạt động cùng với thị trường chứng khoán Việt nam : công ty đã có nhiều bước đột phá tiên phong trong việc vận dụng các nghiệp vụ chứng khoán vào điều kiện hoạt động thực tiễn . Công ty đã xây dựng các quy trình nghiệp vụ chuẩn mực , triển khai việc định giá các dự án BOT đầu tiên của Việt Nam để cổ phần hoá, thực hiện quản lý sổ cổ đông cho các doanh nghiệp bằng phần mềm quản lý ,triển khai nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán cho các doanh nghiệp từ những ngày sơ khai của thị trường .Có thể nói qua hơn 10 năm hoạt động, đội ngũ chuyên viên tư vấn của Công ty đã tích lũy nhiều kinh nghiệm, có mối quan hệ tốt với các đối tác , các bên liên quan để hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư.Bộ máy điều hành của Công ty ổn định nên tiêu chí kinh doanh được xuyên suốt , phục vụ khách hàng tốt nhất nhưng không chạy theo lợi nhuận đơn thuần . Trong năm 2013, do việc lãi suất thị trường liên tục điều chỉnh giảm , công ty đã chuyển hướng đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp có tài sản đảm bảo kết hợp với nghiệp vụ bảo lãnh phát hành. Đây là bước đột phá trong nghiệp vụ tư vấn và được khách hàng đánh giá cao.

- Trong năm 2013: tiếp tục thành quả của năm 2012, công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh hiệu quả trong bối cảnh nhiều công ty chứng khoán khác phải ngừng hoạt động , thua lỗ đã chứng tỏ được khả năng cạnh tranh của công ty trên thị trường . Những bước đi tuy chậm nhưng chắc chắn đã minh chứng tính đúng đắn của Công ty trong chiến lược kinh doanh .

-Trong năm 2013, công ty đã chuẩn bị các công việc cần thiết để đưa hệ thống giao dịch online mới vào vận hành trong năm 2014 với việc tích hợp nhiều tính năng , tiện ích mới cho nhà đầu tư đã được khách hàng đánh giá cao .

4. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới :

Vượt qua giai đoạn khó khăn nhất 2011-2013 trong lịch sử thị trường chứng khoán Việt nam một cách an toàn , có thể nói những bài học đắt giá của thị

trường đã được đội ngũ lãnh đạo và CB, CNV Công ty tiếp thu thấu đáo. Vì vậy những định hướng phát triển “ *từng bước phát triển bền vững , chú trọng đến đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng của nhân viên đồng thời tiết kiệm tối đa chi phí* “ , “ *gắn bó chia sẻ cùng khách hàng , không tìm kiếm lợi nhuận bằng mọi giá* “ đã được nêu trong báo cáo thường niên năm 2012 vẫn còn nóng hổi tính thời sự và trở thành kim chỉ nam xuyên suốt cho toàn Công ty phấn đấu lâu dài.

Trong tình hình hiện nay, xu hướng tái cấu trúc, sáp nhập , hợp nhất các công ty chứng khoán đang diễn ra với sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước là Ủy Ban Chứng Khoán, với đặc thù là một công ty chứng khoán có vốn thuộc sở hữu nhà nước nắm cổ phần chi phối- thuộc diện phải thoái vốn đầu tư ngoài ngành theo chỉ đạo của Thủ Tướng Chính Phủ trong giai đoạn 2014-2015 –cũng sẽ để ngỏ khả năng thay đổi chủ sở hữu tại Công ty , từ đó các định hướng kinh doanh ,chiến lược phát triển thời gian tới sẽ có những thay đổi nhất định .Tuy nhiên , với những kinh nghiệm thực tiễn đúc kết trong giai đoạn vừa qua có thể nói đội ngũ lãnh đạo , CB& CNV công ty đủ năng lực để có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao trong thời gian tới.

IV. Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2013:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>Mã số</i>	<i>TÀI SẢN</i>	<i>31/12/2012</i>	<i>31/12/2013</i>
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	405.884.456.550	446.526.709.183
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>242.966.419.901</i>	<i>292.736.515.856</i>
111	1. Tiền	83.237.190.542	106.736.515.856
112	2. Các khoản tương đương tiền	159.729.229.359	186.000.000.000
120	<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>65.044.639.730</i>	<i>59.993.057.414</i>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	84.820.690.450	69.766.884.179
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(19.776.050.720)	(9.773.826.765)
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>95.184.901.332</i>	<i>92.837.359.455</i>
132	1. Trả trước cho người bán	3.360.866.000	30.000.000
135	2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	8.970.448.085	360.866.000
138	3. Các khoản phải thu khác	88.619.436.751	87.467.099.575
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.765.849.504)	(5.596.414.718)

140	IV. Hàng tồn kho	-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	2.688.495.587	959.776.458
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	592.448.156	800.771.898
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.937.042.871	0
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	159.004.560	159.004.560
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	71.521.115.181	83.918.597.504
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
220	II. Tài sản cố định	12.392.971.053	9.634.109.833
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10.167.547.387	8.857.068.779
222	- Nguyên giá	24.619.041.997	23.763.188.936
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(14.451.494.610)	(14.906.120.157)
227	2. Tài sản cố định vô hình	2.225.423.666	777.041.054
228	- Nguyên giá	7.241.913.031	7.241.913.031
229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(5.016.489.365)	(6.464.871.977)
240	III. Bất động sản đầu tư	-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	53.261.004.600	67.484.534.600
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	0	15.000.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		52.484.534.600
260	V. Tài sản dài hạn khác	5.867.139.528	6.799.953.071
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	85.485.849	0
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	5.781.653.679	6.499.953.071
268	3. Tài sản dài hạn khác		300.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	477.405.571.731	530.445.306.687
Mã số	NGUỒN VỐN	31/12/2012	31/12/2011
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	146.016.227.785	197.833.995.837
310	I. Nợ ngắn hạn	144.016.227.785	195.833.995.837
312	1. Phải trả người bán	121.130.000	131.130.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	115.562.428	4.723.582.890
315	3. Phải trả người lao động	427.189.943	468.715.596
320	4. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	63.784.508.243	101.647.166.770
321	5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	51.736	45.816
322	6. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	203.485.442	206.642.920
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.796.445.710	4.416.871.842

328	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	76.567.854.283	84.239.840.003
330	II. Nợ dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
339	1. Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư	2.000.000.000	2.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	331.389.343.946	332.611.310.850
410	I. Vốn chủ sở hữu	331.389.343.946	332.611.310.850
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	924.317.200	924.317.200
417	3. Quỹ đầu tư phát triển	7.508.106.422	9.149.732.553
418	4. Quỹ dự phòng tài chính	7.219.927.083	8.865.053.214
420	5. Lợi nhuận (lỗ lũy kế) chưa phân phối	15.736.993.241	13.672.207.883
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	477.405.571.731	530.445.306.687

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>31/12/2012</i>	<i>31/12/2013</i>
002	1. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	62.046.000.000	57.546.000.000
005	2. Ngoại tệ các loại	30.348.270	30.741.930
006	3. Chứng khoán lưu ký	1.243.120.060.000	1.091.307.440.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	1.128.328.150.000	1.003.845.370.000
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	43.242.550.000	31.567.630.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	947.663.640.000	844.221.970.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	137.421.960.000	128.055.770.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	24.018.640.000	11.935.160.000
014	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	24.018.640.000	11.935.160.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	48.157.910.000	48.644.170.000
019	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	48.157.910.000	48.644.170.000
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	-	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	42.549.200.000	23.716.100.000
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	245.200.000	985.000.000
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	40.213.000.000	16.882.100.000
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	2.091.000.000	5.849.000.000
032	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	66.160.000	3.166.640.000
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	40.000
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	66.160.000	2.971.130.000
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	195.470.000
042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	-
047	6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-

050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	107.319.970.000	124.902.520.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	99.130.970.000	116.749.520.000
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	6.469.350.000	7.184.750.000
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	75.635.890.000	92.169.100.000
054	7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	17.025.730.000	17.395.670.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	70.000.000	70.000.000
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	70.000.000	70.000.000
061	7.3. Chứng khoán cầm cố	5.240.000.000	5.230.000.000
063	7.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	5.240.000.000	5.230.000.000
066	7.4. Chứng khoán tạm giữ	-	2.853.000.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	26.000.000	-
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	26.000.000	-
076	7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	2.853.000.000	-
078	7.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	2.853.000.000	2.853.000.000
081	7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
084	10. Chứng khoán nhận uỷ thác đấu giá	-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2013</i>
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	34.863.194.808	38.969.060.235
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao TSCĐ và phân bổ	2.717.279.598	2.252.992.909
03	- Các khoản dự phòng	(8.546.987.499)	(12.829.324.218)
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư	(36.593.539.848)	(24.799.991.504)
08	3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(7.560.052.941)	3.592.737.422
09	- Giảm (tăng) các khoản phải thu	1.180.988.372	1.775.080.309
10	- (Tăng) giảm đầu tư ngắn hạn	(35.033.508.199)	8.053.806.271
11	- (Giảm) tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	26.865.447.400	31.035.917.592
12	- Giảm (tăng) chi phí trả trước	1.865.557	(101.840.941)
15	- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		3.000.000.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(7.200.000)	(1.046.499.392)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	(14.552.459.811)	46.309.201.261
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(35.667.500)	(5.000.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		6.100.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	-	(15.000.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	35.299.464.129	25.360.894.694
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	35.263.796.629	11.460.894.694
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.000.000.000)

40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(15.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20.711.336.818	42.770.095.955
60	Tiền và các khoản tương đương đầu năm	151.255.083.083	242.966.419.901
70	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</i>	171.966.419.901	285.736.515.856

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập:

Số tham chiếu: 60859557/16482053

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Đệ Nhất ("Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2014 và được trình bày từ trang 4 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

Nguyễn Chí Cương
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1103-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

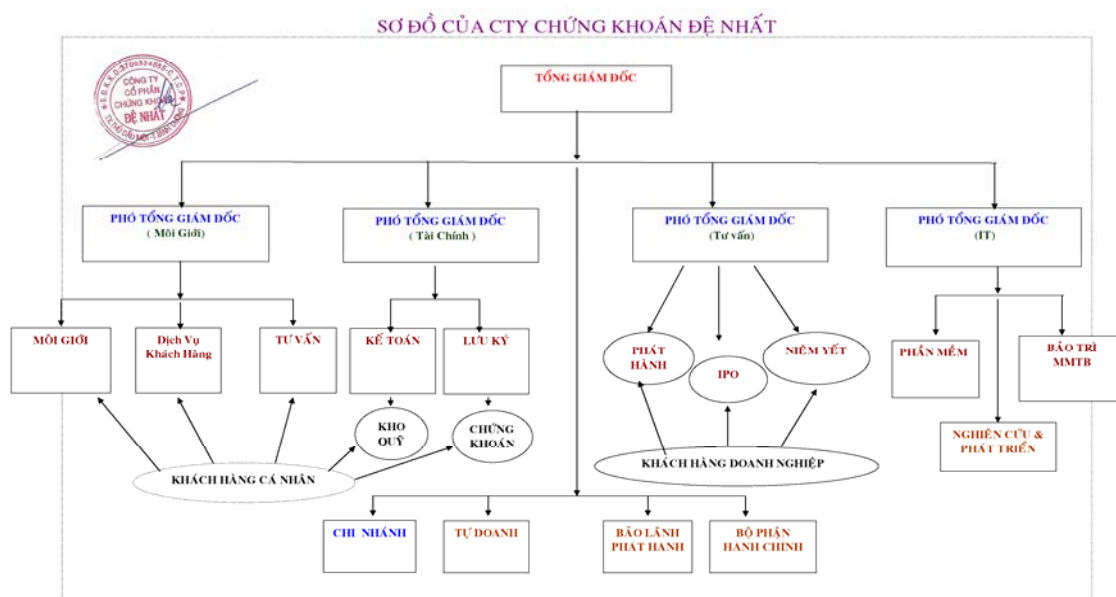
Ngày 20 tháng 3 năm 2014

VI. Các công ty có liên quan :

- Hiện nay trong cơ cấu cổ đông của Công ty không có cổ đông nào nắm giữ trên 50% vốn của Công ty.
- Công ty không nắm giữ hơn 50% vốn của các công ty khác.

VII. Tổ chức và nhân sự :

- Sơ đồ tổ chức của Công ty



- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Thu nhập của ban Tổng Giám Đốc gồm khoản lương cố định hàng tháng và phần lương tăng thêm được tính lũy tiến theo hiệu quả kinh doanh (lợi nhuận trước thuế TN Doanh nghiệp) và các khoản thưởng lễ tết trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi
- Số lượng cán bộ, nhân viên : 55 người

VIII. Thông tin cổ đông và Ban Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
-----------	---------	--------------------------

Ông Bùi Văn Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Huỳnh Quế Hà	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Văn Dành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Trần Thiện Thế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Chang Ya Wen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Wu Jin Tang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Carol Chao - Tse Yang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT:

Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Bùi Thị Hồng Tuyến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012

2-Ban Điều Hành :

Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Thiện Thế	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 08 năm 2012
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Chung Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Huỳnh Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 1999

- Toàn bộ các thành viên HĐQT – ngoại trừ Ông Trần Thiện Thế là Tổng Giám Đốc điều hành – đều là thành viên HĐQT độc lập không làm việc tại Công ty.
- Các thành viên trong ban kiểm soát đều làm việc và tham gia điều hành tại công ty.
- Thành viên ban Kiểm soát cũng đồng thời là trưởng ban Kiểm soát nội bộ tham gia giám sát toàn diện các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty .
- Thù lao của thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát được cố định theo mức 4 triệu đồng / người / tháng .
- Các thành viên Hội đồng Quản Trị đa số là các cán bộ giữ vai trò chủ chốt tại các Doanh nghiệp Nhà nước , Cổ phần trong và ngoài nước nên đều có kiến thức về quản trị công ty
- Số cổ phần sở hữu đến ngày 31/12/2013 của các thành viên nêu trên :

STT	Họ và tên	Số cổ phần sở hữu	Ghi Chú
Hội Đồng Quản Trị			
01	Bùi Văn Đức	145.000	CP phổ thông
02	Trần Thiện Thế	300.000	CP phổ thông
Ban kiểm soát			
01	Huỳnh Vĩnh Thành	500	CP phổ thông
02	Bùi Thị Hồng Tuyến	3.000	CP phổ thông
Ban Điều Hành			
01	Trần Thiện Thế	300.000	CP phổ thông
02	Chung Kim Hoa	57.000	CP phổ thông
03	Huỳnh Vĩnh Thành	500	CP phổ thông
04	Huỳnh Thị Mai	13.500	CP phổ thông
05	Nguyễn Quốc Bảo	30.000	CP phổ thông

Trong toàn bộ hoạt động kinh doanh trong năm 2013, không phát sinh hợp đồng nào giữa Công Ty và các thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát và Ban Điều hành .

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

2.1. Cổ đông Nhà nước:

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ trọng
1.	Cty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển công nghiệp (Becamex IDC)	230 Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.		11.144.578	37,15%

2.2. Cổ đông sáng lập:

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng cổ phiếu	Tỷ trọng
1	Tổng Cty Đầu tư và Phát triển công nghiệp (Becamex IDC) TNHH	230 Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.		11.144.578	37,15%

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng cổ phiếu	Tỷ trọng
	một thành viên				
2	Huỳnh Quế Hà	85 Hải Thượng Lãn Ông, Q5, TPHCM.		1.813.200	6.04%
Tổng cộng				7.431.104	74,31%

Tất cả các hạn chế chuyển nhượng cổ đông sáng lập đến ngày lập báo cáo đều đã hết thời hạn .

2.3. Cổ đông nước ngoài:

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ trọng
2.	Yuantan Securities Asia Financial Services LTD	Clarendon House, 2 Church Street, Hamilton HM11, Bermuda		13.403.600	44,68%

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THIÊN THỂ

